

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 12/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 18/12/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28212748920	Nguyễn Hoàng Anh	25/01/2004	Đak Lak	31SYC7	0.0	0.0	Không Đạt	
2	28218000457	Nguyễn Thế Anh	05/03/2004	Bắc Giang	31TYC13	6.7	5.0	Đạt	
3	28209449564	Nguyễn Thị Minh Anh	01/08/2004	Quảng Nam	31TSC13	9.3	6.3	Đạt	
4	29206752387	Nguyễn Thị Ngọc Anh	24/06/2005	Quảng Trị	31TSC13	8.3	5.8	Đạt	
5	28202849246	Nguyễn Vân Anh	16/08/2004	Gia Lai	31TYC13	9.0	3.3	Không Đạt	
6	28204601457	Nguyễn Thị Thanh Bình	13/12/2004	Quảng Nam	31TYC13	8.0	5.8	Đạt	
7	27213780004	Bùi Hoài Duy	13/01/2002	Đà Nẵng	31SYC7	6.3	8.3	Đạt	
8	28214637188	Nguyễn Đặng Đức Duy	12/04/2004	Bình Định	31SYC7	3.7	8.5	Không Đạt	
9	28212803409	Y Phiếu Êban	22/09/2004	Đăk Lăk	31TYC13	6.0	3.0	Không Đạt	
10	29206753302	Vương Thị Trà Giang	21/06/2004	Hà Tĩnh	31TSC13	9.7	7.8	Đạt	
11	28204638810	Nguyễn Thị Hà	27/02/2004	Đà Nẵng	31SYC7	8.0	5.0	Đạt	
12	29209221719	Đinh Thị Ngọc Hân	17/03/2005	Nghệ An	31SYC7	6.3	6.8	Đạt	
13	29204459709	Trần Thị Ngọc Hân	08/08/2005	Quảng Nam	31TYC13	9.0	5.0	Đạt	
14	28205134240	Võ Thị Hằng	17/02/2004	Đăklăk	31SYC7	9.3	6.3	Đạt	
15	28202700323	Trần Hà Mỹ Hạnh	28/11/2004	Gia Lai	31TYC13	7.7	7.0	Đạt	
16	28202805344	Nguyễn Thị Hồng Hoa	01/12/2004	Nghệ An	31TYC13	5.3	5.3	Đạt	
17	28204639791	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	03/03/2004	Đà Nẵng	31THT9	8.7	6.3	Đạt	
18	28202800951	Trịnh Hồng Hoa	01/02/2004	Đà Nẵng	31TYC13	9.0	7.3	Đạt	
19	28214554545	Lê Gia Hoàng	10/09/2004	Quảng Nam	31TSC13	7.7	5.5	Đạt	
20	28206249856	Hồ Thị Lan Huệ	16/05/2004	Quảng Nam	31TYC13	3.0	0.5	Không Đạt	
21	27203334163	Lê Thị Thu Hường	17/03/2003	Quảng Trị	31TSC13	8.3	5.0	Đạt	
22	29204623005	Ngô Lý Khánh Huyền	02/01/2005	Đà Nẵng	31TSC13	7.0	5.1	Đạt	
23	28202851966	Ung Thị Khánh Huyền	07/04/2004	Quảng Nam	31TYC13	0.0	0.0	Không Đạt	
24	28212703132	Nguyễn Việt Khương	01/08/2003	Quảng Ngãi	31TYC14	6.7	5.0	Đạt	
25	29204445918	Phan Diễm Kiều	02/08/2005	Quảng Ngãi	31TYC13	9.0	6.5	Đạt	
26	28204402959	Đặng Thị Ngọc Lan	13/05/2004	Gia Lai	31TYC13	8.7	6.8	Đạt	
27	29214840947	Nguyễn Đồng Lê	14/06/2005	Quảng Bình	31TSC13	9.7	6.8	Đạt	
28	29204524760	Trần Thị Mai Liên	23/11/2005	Nghệ An	31SYC7	7.7	9.8	Đạt	
29	28204853713	Phạm Phương Linh	28/04/2004	Nghệ An	31TYC14	8.0	7.0	Đạt	
30	27212135746	Dương Công Long	25/07/2003	Hà Tĩnh	31TYC13	0.0	0.0	Không Đạt	
31	29209421526	Nguyễn Kiều Ly	21/10/2005	Phú Yên	31TSC14	9.3	6.0	Đạt	
32	28204600577	Nguyễn Thị Trúc Ly	26/01/2004	Quảng Ngãi	31TYC13	9.0	3.5	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28206904575	Trần Thị My	Ly	27/05/2004	Quảng Nam	31TYC13	9.3	3.5	Không Đạt	
34	28214101928	Lô Viết	Minh	15/08/2004	Nghệ An	31TYC13	8.0	7.0	Đạt	
35	28204154818	Huỳnh Hà	My	20/03/2004	Quảng Nam	31TYC13	8.3	8.5	Đạt	
36	28206705524	Đinh Thị Ly	Na	14/02/2025	Quảng Nam	31TYC13	4.7	4.1	Không Đạt	
37	28204552407	Võ Thị Kiều	Na	02/05/2004	Gia Lai	31TSC13	7.3	7.3	Đạt	
38	29204622804	Văn Thị Kiều	Nga	22/05/2005	Gia Lai	31TSC13	9.0	2.8	Không Đạt	
39	29204635394	Bùi Thanh	Ngân	24/10/2005	Đăk Lăk	31TSC13	5.0	4.0	Không Đạt	
40	29206751207	Lâm Thị Cẩm	Ngân	21/08/2005	Bình Định	31SYC7	4.3	1.8	Không Đạt	
41	28206704689	Trần Thị Hiếu	Ngân	24/12/2004	Đà Nẵng	31TYC13	9.7	5.3	Đạt	
42	28204603226	Huỳnh Thị Ánh	Ngọc	16/06/2004	Quảng Nam	31SYC7	9.3	7.5	Đạt	
43	28204154528	Hà Thị Ngọc	Nguyên	08/09/2004	Quảng Trị	31TSC13	5.0	9.0	Đạt	
44	28206100771	Tôn Võ Thảo	Nguyên	30/06/2004	Quảng Ngãi	31TYC13	10.0	3.3	Không Đạt	
45	29204864480	Trần Minh	Nguyệt	12/08/2005	Đà Nẵng	31TSC13	8.0	6.4	Đạt	
46	28208680328	Trương Thị Trang	Nhã	13/03/2004	Đà Nẵng	31SYC7	10.0	6.8	Đạt	
47	28216548261	Hà Quốc	Nhân	20/05/2004	Đà Nẵng	31SYC7	6.0	6.0	Đạt	
48	29202764591	Nguyễn Thảo	Nhân	26/08/2005	Đăk Lăk	31TSC13	9.7	8.8	Đạt	
49	28205153651	Lê Long	Nhi	02/11/2004	Đà Nẵng	31SYC7	9.7	6.8	Đạt	
50	29208063139	Lưu Nguyễn Yến	Nhi	23/10/2005	Đà Nẵng	31TSC13	10.0	5.3	Đạt	
51	28204601884	Nguyễn Thị Yến	Nhi	29/11/2004	Quảng Ngãi	31TYC13	8.3	5.0	Đạt	
52	28204452653	Phan Thị Hồng	Nhung	11/12/2004	Nghệ An	31TYC14	7.3	8.5	Đạt	
53	051206006402	Nguyễn Tấn	Nhuông	18/07/2006	Quảng Ngãi	31SYC7	9.3	0.0	Không Đạt	
54	29204454922	Mai Phan Mỹ	Nương	21/09/2005	Quảng Ngãi	31TYC13	9.7	7.3	Đạt	
55	28212705409	Nguyễn Văn	Phú	13/02/2004	Quảng Trị	31TYC13	9.3	5.5	Đạt	
56	27211342202	Nguyễn Trung	Phúc	26/09/2003	Quảng Ngãi	31SSC6	0.0	5.8	Không Đạt	
57	29204663339	Đỗ Thị Kim	Phụng	14/03/2005	Quảng Ngãi	31TYC13	8.7	5.5	Đạt	
58	27212144198	Trần Tấn	Phước	26/04/2003	Hồ Chí Minh	31TYC13	0.0	0.0	Không Đạt	
59	29206660699	Đặng Thị Diễm	Phương	01/01/2005	Quảng Nam	31CHT8	7.3	5.3	Đạt	
60	28202835280	Trần Thị Thanh	Phương	16/03/2004	Quảng Nam	31TYC13	8.0	2.3	Không Đạt	
61	28215149166	Trần Hoàng	Quân	20/01/2004	Gia Lai	31SYC7	6.0	5.8	Đạt	
62	28218102528	Đoàn Nhật	Quang	02/11/2004	Đà Nẵng	31TSC13	4.3	4.0	Không Đạt	
63	29208046194	Tiêu Thị Lệ	Quyên	11/11/2005	Quảng Ngãi	31TYC13	8.7	4.0	Không Đạt	
64	28206744957	Huỳnh Thị Ngọc	Quyên	01/12/2004	Đà Nẵng	31SYC7	H	H	Không Đạt	
65	28208152252	Trương Thị Thuý	Sa	23/03/2004	Quảng Nam	31SYC7	9.0	6.0	Đạt	
66	28218450530	Nguyễn Tiến	Thân	01/08/2004	Đà Nẵng	31TSC13	5.3	7.5	Đạt	
67	28204549784	Trương Thị Thu	Thanh	16/06/2003	Quảng Ngãi	31TSC13	8.7	7.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28202806716	Đoàn Thị Thanh	Thảo	10/04/2004	Đắk Lắk	31TYC13	8.7	7.8	Đạt	
69	28204653171	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	07/07/2004	Quảng Nam	31SYC7	5.7	5.3	Đạt	
70	29206635908	Hoàng Vũ Anh	Thư	23/10/2005	Nghệ An	31TSC13	8.3	6.5	Đạt	
71	28202827695	Nguyễn Trịnh Anh	Thư	22/10/2004	Đà Nẵng	31TYC13	8.3	5.3	Đạt	
72	28204301503	Đỗ Thị Thu	Thương	10/03/2004	Quảng Nam	31TSC12	9.0	6.4	Đạt	
73	28206148792	Hàn Thị	Thùy	22/10/2003	Phú Yên	31TYC13	6.3	4.0	Không Đạt	
74	29204755537	Huỳnh Thị Thu	Thủy	31/03/2005	Quảng Nam	31TSC13	9.3	9.8	Đạt	
75	28202743642	Dương Khánh	Trâm	12/10/2004	Quảng Trị	31TYC14	6.3	4.0	Không Đạt	
76	29206732154	Lê Nguyễn Bảo	Trâm	11/06/2005	Đà Nẵng	31TSC13	9.7	6.3	Đạt	
77	28206252625	Lê Trần Bảo	Trâm	10/07/2004	Quảng Nam	31TSC13	9.0	10.0	Đạt	
78	28202800469	Bùi Thảo	Trang	30/04/2004	Đà Nẵng	31TYC13	9.7	5.0	Đạt	
79	28202800874	Lê Mai Phương	Trang	02/10/2004	Đak Lak	31TYC13	7.7	3.3	Không Đạt	
80	28204600253	Nguyễn Lê Băng	Trình	22/11/2004	Quảng Nam	31SYC7	8.7	5.0	Đạt	
81	28210200145	Trương Quốc	Trung	09/08/2004	Đà Nẵng	31TSC13	7.3	8.4	Đạt	
82	27211200462	Nguyễn Thanh	Tú	30/05/2003	Quảng Nam	31SYC7	9.7	6.0	Đạt	
83	26215339353	Lê Anh	Tuân	24/05/2002	Quảng Ngãi	31SYC7	10.0	5.3	Đạt	
84	28208401069	Lê Mạnh	Tường	18/09/2004	Nghệ An	31TSC13	8.0	5.1	Đạt	
85	28218042877	Huỳnh Ngọc	Tuyết	29/07/2004	Đà Nẵng	31THT13	6.3	2.4	Không Đạt	
86	28206451286	Lưu Hoài Phương	Uyên	14/08/2001	Đà Nẵng	31TSC13	H	H	Không Đạt	
87	28206200233	Nguyễn Phước Lê Hải	Vân	25/08/2004	Cần Thơ	31TYC13	6.0	3.0	Không Đạt	
88	29204637464	Nguyễn Thị Hồng	Vân	08/11/2005	Quảng Nam	31TSC13	8.7	6.3	Đạt	
89	28215104781	Huỳnh Trương Anh	Văn	26/11/2004	Gia Lai	31SYC7	7.0	7.8	Đạt	
90	28208102498	Võ Hồ Diệu	Vi	09/11/2004	Đà Nẵng	31TSC13	7.7	7.3	Đạt	
91	28204150733	Vương Thị Ngọc	Viên	24/04/2004	Quảng Nam	31TYC13	8.3	8.0	Đạt	
92	29206737466	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	26/11/2005	Đà Nẵng	31TSC13	5.3	3.8	Không Đạt	
93	28204931697	Nguyễn Thảo	Vy	23/06/2004	Đà Nẵng	31CHT9	9.7	6.0	Đạt	
94	28202838649	Phan Thuỳ	Vy	10/01/2004	Đà Nẵng	31TYC13	9.3	5.8	Đạt	
95	28204604133	Thân Thảo	Vy	25/07/2004	Đà Nẵng	31TSC13	9.0	6.5	Đạt	
96	28204651541	Tô Nguyễn Tường	Vy	23/03/2004	Quảng Nam	31SYC7	7.3	0.8	Không Đạt	
97	27213601862	Phạm Công	Ý	27/06/2005	Đà Nẵng	31SYC7	9.0	6.3	Đạt	
98	28207103988	Nguyễn Thị Hồng	Yến	17/01/2004	Daklak	31TSC13	8.7	3.1	Không Đạt	
99	28204829397	Nguyễn Thị Thùy	Yến	04/12/2004	Đà Nẵng	31SYC7	9.3	9.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	

Dương Trương Quốc Khánh